TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4
ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 105/2026/DS-ST
Ngày: 23-7-2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Phú Đạt**.
Hội thẩm nhân dân: Bà **Trương Thị Mỹ Hạnh.**
Ông **Lê Trọng Nguyên**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lương Thị Thanh Dung** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Xuân Lành** - Kiểm sát viên.

Ngày 23/7/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 138/2026/TLST – DS ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1071/2026/QĐXXST-DS ngày 19/6/2026 và Quyết định hoãn phiên toà số: 1073/2026/QĐST-DS ngày 06/7/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty T**; Trụ sở: Tầng A, tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà cao tầng tại lô đất số 1-13 thuộc Khu C, đường T, phường A, thành phố Hồ Chí Minh. ***Người đại diện theo ủy quyền:*** Ông **Hoàng Xuân H**, sinh năm 2002; ông **Trần Hoàng H1**, sinh năm 1991; bà **Phạm Thị Thu H2**, sinh năm 1995; ông **Lê Thế C**, sinh năm 1992; Cùng địa chỉ: H N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Ông C có mặt

- Bị đơn: Ông **Mai Ngọc V**, sinh năm 2000; CCCD số: 049200013706; Địa chỉ: Kiệt G H27 N, tổ F K, phường H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

NHẬN THẤY:

**** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty T1 trình bày:*** Ngày 12/07/2022, Công ty T (Sau đây gọi tắt là Công ty T) và ông Mai Ngọc V có ký hợp đồng cho vay số 100935931 (Sau đây gọi tắt là hợp đồng). Theo đó, Công ty T cho ông Mai Ngọc V vay số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất 33.5%/năm, mục đích vay: Mua phương tiện đi lại; loại hình vay: tín chấp (không yêu cầu tài sản đảm bảo). Vào ngày 12/07/2022, Công ty T đã giải ngân đủ số tiền 30,000,000 đồng. Căn cứ quy định của hợp đồng, ông Mai Ngọc V có nghĩa vụ thanh toán khoản vay bao gồm gốc và lãi trong vòng 24 kỳ vào ngày 16 (mười sáu) hàng tháng, K đầu tiên (kỳ 1) tới kỳ

thứ 23: 1.739.476 đồng Kỳ cuối cùng (kỳ 24): 1.739.472 đồng. Tuy nhiên đến nay, ông Mai Ngọc V chỉ mới thanh toán tổng cộng 08 kỳ với tổng số tiền 13,941,584 đồng (trong đó, nợ gốc: 7.821.153 đồng, nợ lãi: 6.120.431 đồng). Ông Mai Ngọc V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, mặc dù Công ty đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện nhưng ông Mai Ngọc V vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T.

Ngày 18/01/2023, Công ty T và ông Mai Ngọc V có ký hợp đồng cho vay số 101227351. Theo đó, Công Ty T cho ông Mai Ngọc V vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 40%/năm, mục đích vay: Mua đồ dùng, TTB gia đình; loại hình vay: tín chấp (không yêu cầu tài sản đảm bảo). Vào ngày 18/01/2023, Công ty T đã giải ngân đủ số tiền 20,000,000 đồng. Căn cứ quy định của hợp đồng, ông Mai Ngọc V có nghĩa vụ thanh toán khoản vay bao gồm gốc và lãi trong vòng 36 kỳ vào ngày 16 (mười sáu) hàng tháng, K đầu tiên (kỳ 1) tới kỳ thứ 35: 959.834 đồng; K cuối cùng (kỳ 36): 959.833 đồng. Tuy nhiên đến nay, ông Mai Ngọc V chỉ mới thanh toán tổng cộng 02 kỳ với tổng số tiền 1.930.806 đồng (trong đó, nợ gốc: 680,282 đồng, nợ lãi: 1.250.524 đồng). Ông Mai Ngọc V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, mặc dù Công ty đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện nhưng ông Mai Ngọc V vẫn không thực hiệnđầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T.

Vì vậy, Công ty T kính đề nghị Toà án giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc ông Mai Ngọc V phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 23/07/2026, như sau:

Số Hợp đồng	**100935931**	**101227351**	**TỔNG 2 HĐ**
Nợ gốc	22,178,847 đồng	19,319,718 đồng	41,498,565 đồng
Nợ lãi trong hạn	5,652,765 đồng	13,314,637 đồng	18,967,402 đồng
Lãi quá hạn	28,924,940 đồng	18,932,090 đồng	47,857,030 đồng
TỔNG CỘNG	56,756,552 đồng	51,566,445 đồng	108,322,997 đồng

- Buộc ông Mai Ngọc V tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi quá hạn theo hợp đồng trên dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong dư nợ gốc.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Mai Ngọc V để lấy lời khai và hòa giải theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông V vắng mặt không có lý do nên không lấy được lời khai và hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án được.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng những quy định của pháp luật. Riêng bị đơn vi phạm các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, 464, 465, 468 Bộ luật Dân sự để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Mai Ngọc V có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T số tiền 108.322.997 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 41.498.565 đồng; Nợ lãi trong hạn:

18.967.402 đồng và lãi quá hạn là: 47.857.030 đồng). Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện ông Mai Ngọc V về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn có địa chỉ tại Kiệt G H N, tổ F K, phường H, thành phố Đà Nẵng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Mai Ngọc V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông V.

[2] Về nội dung vụ án:

[*2.1]* *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy*:

Ngày 12/07/2022, Công ty T và ông Mai Ngọc V ký hợp đồng cho vay số 100935931. Theo nội dung hợp đồng, Công ty T cho ông Mai Ngọc V vay số tiền: 30.000.000 đồng với lãi suất 33.5%/năm, mục đích vay: Mua phương tiện đi lại; loại hình vay: tín chấp (không yêu cầu tài sản đảm bảo). Căn cứ vào quy định của hợp đồng, ông Mai Ngọc V có nghĩa vụ thanh toán khoản vay bao gồm gốc và lãi trong vòng 24 kỳ vào ngày 16 hàng tháng, kỳ đầu tiên đến kỳ thứ 23 với số tiền là 1.739.476 đồng và kỳ cuối cùng là 1.739.472 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Mai Ngọc V đã thanh toán tổng cộng 08 kỳ với tổng số tiền 13.941.584 đồng.

Đến ngày 18/01/2023, Công ty T và ông Mai Ngọc V tiếp tục ký hợp đồng cho vay số 101227351. Theo đó, ông V tiếp tục vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 40%/năm, mục đích vay: Mua đồ dùng, TTB gia đình; loại hình vay: tín chấp (không yêu cầu tài sản đảm bảo). Ông V có nghĩa vụ thanh toán khoản vay bao gồm gốc và lãi trong vòng 36 kỳ vào ngày 16 hàng tháng, kỳ đầu tiên đến kỳ thứ 35 với số tiền là 959.834 đồng và kỳ cuối cùng là 959.833 đồng. Ông V chỉ mới thanh toán tổng cộng 02 kỳ với tổng số tiền 1.930.806 đồng.

Tính đến ngày 23/7/2026, ông V còn nợ Công ty T tổng số tiền theo hai hợp đồng là 108.322.997 đồng. Do đó, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 464, 465, 468 Bộ luật Dân sự và Điều 100 Luật các Tổ chức tín dụng.

[2.2] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm ông Mai Ngọc V phải chịu theo quy định của pháp luật là: 108.322.997 đồng x 5 % = 5.416.149 đồng.

[2.3] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 100 Luật các Tổ chức tín dụng;

- Áp dụng Điều 463, 464, 465 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T.

1.1. Buộc ông Mai Ngọc V thanh toán cho Công ty T đến ngày 23/7/2026 với tổng số tiền: 108.322.997 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 41.498.565 đồng; Nợ lãi trong hạ là 18.967.402 đồng và lãi quá hạn là: 47.857.030 đồng).

1.2. Kể từ ngày 24/7/2026, ông Mai Ngọc V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo theo hợp đồng cho vay số 101227351 ngày 18/01/2023 và hợp đồng cho vay số 100935931 ngày 12/7/2022.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Mai Ngọc V phải chịu là 5.416.149 đồng. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho Công ty T đã nộp là 2.321.450 đồng theo biên lai thu số 0002551 ngày 18/3/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 36, 72 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Phú Đạt

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 4;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Lưu HS.



Nơi nhận:
-
-
-

THẨM PHÁN

Phạm Phú Đạt

TAND KHU VỰC 4
ZHK230726.TL.QDBA
1956